

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 43/2024/DS-PT
Ngày: 06 – 3 – 2024
V/v tranh chấp yêu cầu chấm dứt
hành vi cản trở quyền sử dụng đất
và tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Minh Dũng.

Các Thẩm phán: Ông Trần Bá Nguyên.

Bà Đỗ Thị Thắm.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Phương Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2023/TLPT-DS ngày 03/10/2023 về việc tranh chấp “Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất và tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 53/2023/DS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2023 của Toà án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 09/2023/QĐ-PT ngày 03 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1963; địa chỉ: Số nhà B đường H, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định. (có mặt)

- **Bị đơn:**

- Bà Bùi Thị H, sinh năm 1971. (có mặt)
 - Bà Lương Thị M, sinh năm 1945. (có mặt)
 - Ông Lương Hồng P, sinh năm 1959. (có mặt)
 - Bà Lương Thị H1, sinh năm 1956. (có mặt)
 - Anh Lương Văn B, sinh năm 1996. (có mặt)
- Cùng địa chỉ: Thôn N, xã N, thị xã A, Bình Định.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Lương Văn L, sinh năm 1966. (vắng mặt)

2. Bà Lâm Thị H2, sinh năm 1966. (vắng mặt)

3. Anh Lương Anh V, sinh năm 1999. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện T, Bình Định.

4. Chị Lương Thị Đ, sinh năm 1995; địa chỉ: Số A L, tổ F, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. (vắng mặt)

5. Bà Trần Thị H3, sinh năm 1959; địa chỉ: Số B Hồ N, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định. (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Bà Lương Thị M, bà Lương Thị H1, ông Lương Hồng P là các đồng bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn S, trình bày:

Ông không có quen biết với các bị đơn. Ông nhận chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 1496, tờ bản đồ số 3 diện tích theo giấy chứng nhận là 901,6m² (nhưng đã bị thu hồi 81m² còn lại 820,6m² trong đó: 110m² đất ở 710,6m² đất vườn) tọa lạc tại thôn N, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định của anh Lương Anh V. Vợ chồng ông đã làm thủ tục biến động sang tên tại Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã A trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi ông tiến hành xây nhà trên mảnh đất đã mua thì các bị đơn ngăn cản không cho ông xây dựng. Bên bị đơn đã cản trở quyền sử dụng đất của vợ chồng ông 03 lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Sáng ngày 28/7/2022, ông thuê xe Chiến Thắng chở cát để xây hàng rào, sau khi chở được 01 xe cát (chở bên ngoài thửa đất) thì bị 04 người gồm bà Bùi Thị H, bà Lương Thị M, ông Lương Hồng P, bà Lương Thị H1 ngăn cản không cho tiếp tục chở cát xây dựng nữa, họ chửi bới cho rằng đất của ông, bà anh V không được bán cho người khác.

Lần 2: Sáng ngày 01/8/2022, ông mua gạch chở đến đất để tiếp tục việc xây hàng rào, nhưng khi xe chở gạch đến nơi thì cũng bị 04 người gồm bà H, bà M, ông P, H1 ngăn cản chửi bới như lần trước không cho xếp gạch xuống nên xe chở gạch phải quay về.

Lần 3: Sáng ngày 13/9/2022, sau khi có giấy phép xây dựng được Ủy ban nhân dân thị xã A cấp, ông cho xe chở gạch để xây dựng nhà trên thửa đất đã mua của ông V thì tiếp tục bị bà H, bà M, ông P, bà H1 và anh L1 Gia Bảo ngăn cản chửi bới quyết liệt không cho ông xây dựng, nên buộc ông phải dừng lại.

Lần thứ 2 và thứ 3 ông có báo cáo sự việc với Công an xã N, họ có tới nhưng chỉ động viên hai bên giữ trật tự chứ không có lập biên bản gì. Ngoài ra, ông cũng có gửi đơn báo cáo đến UBND xã N và UBND xã cũng đã tổ chức hòa giải giữa hai bên ngày 28/7/2022 nhưng kết quả không thành.

Ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc các ông bà: Bùi Thị H, Lương Thị M, Lương Hồng P, Lương Thị H1, Lương Gia B1, chấm dứt hành vi cản trở gia đình ông xây dựng nhà ở trên đất thuộc quyền sử dụng của gia đình ông là thửa đất số

1496, tờ bản đồ số 3 tọa lạc tại thôn N, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định. Ngoài ra ông không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Bùi Thị H, trình bày:

Nguồn gốc thửa đất là do ông bà để lại cho ông Lương Văn L và Lương Văn T (chồng bà). Nhà nước đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L đứng tên chủ hộ và chồng bà năm 1993, vợ chồng bà ở ổn định trên đất này. Năm 1996 vợ chồng xây dựng căn nhà cấp 4, năm 2012 ông T chết, bà và con tiếp tục ở. Đầu năm 2021 ông L về quê bảo bà đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để tách sổ. Sau đó ông L bán một phần thửa đất cho ông Nguyễn Văn S, khi ông S thi công đổ vật liệu xây dựng nhà vào giữa năm 2022 bà mới biết và gia đình phía chồng bà ngăn cản. Bà có đơn phản tố yêu cầu xem xét lại phần đất ông L tặng cho V và Đ. V bán lại cho ông S nên bà đã ngăn cản vì ảnh hưởng tới quyền lợi của bà. Tòa án xem xét phần đất nhà nước đã cân đối giao quyền cho ông T bao nhiêu thì phải trích chia cho bà và con có phần nhà đã xây dựng trên đất hợp lý thì bà không ngăn cản việc xây dựng nhà của ông S nữa.

Bị đơn bà Lương Thị M, bà Lương Thị H1 và ông Lương Hồng P thống nhất, trình bày:

Nguồn gốc thửa đất là của ông bà chết để lại cho cha mẹ (cha tên Lương T1, mẹ tên Phan Thị M1). Cha mẹ chết đã lâu; cha mẹ chết để lại cho các con. Năm 1977 các ông bà thống nhất để cho chị dâu Nguyễn Thị N (là vợ ông Lương Văn N1) ở cùng với hai người cháu là Lương Văn L2 và Lương Văn T. Khi về ở mẹ cho bà N ở nhà tranh (nhà tranh nay đã sập), năm 1996 vợ chồng Lương Văn T, Bùi Thị H xây dựng ngôi nhà cấp 4 trên đất, năm 2012 ông T mất mẹ con bà H ở cho đến nay. Còn ông L đi làm ăn ở xã T, huyện T lấy vợ ở đó từ khoảng năm 1992 đến nay. Các ông bà xác định chỉ cho mẹ con bà N ở chứ họ không được quyền bán đất của ông bà cho người khác.

Các ông bà không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn. Nếu ông S tiếp tục đổ vật liệu để xây dựng các ông bà vẫn ngăn cản.

Các ông bà không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Lương Văn B, trình bày:

Anh ngăn cản ông S xây dựng vì thửa đất đó là của ông bà nội để lại cho cha anh Lương Văn T và bác Lương Văn L. Trên đất cha mẹ anh còn có xây dựng một ngôi nhà cấp 4 năm 1996, sau khi cha anh chết năm 2012 mẹ con anh ở cho đến nay. Trong khi đó bác L đã lập gia đình và ở xã T, huyện T từ năm 1992, nhưng bác L tự ý cho con là Lương Anh V và V bán cho người khác là không đúng nên anh đã cùng với các ông bà Lương Thị M, Lương Hồng P, Lương Thị H1 và mẹ anh Bùi Thị H ngăn cản không cho ông S đổ vật liệu xây dựng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lương Văn L trình bày:

Thửa đất là của cha ông (Lương Văn N1, chết năm nào không nhớ) mẹ (Nguyễn Thị N còn sống) tạo lập. Sinh thời cha mẹ ông có xây dựng trên thửa đất này túp lều tranh, cha mẹ và 02 anh em ông gồm: Lương Văn L, Lương Văn T (chết có vợ là Bùi Thị H, con là Lương Văn B) sinh sống tại đây. Sau một thời gian cha

chết, tiếp theo mẹ tái giá với người đàn ông khác, đến năm 1992 ông đi làm ăn ở xã T, huyện T quen và cưới vợ ở cho đến nay. Sau khi ông đi chỉ còn mình ông T ở, sau đó ông T lấy vợ sinh con cũng ở trên đất này. Túp lều tranh đã sập mất từ lâu, vợ chồng em T có xây dựng trên đất một ngôi nhà cấp 4 hiện nay vợ và con T ở. Năm 1993, nhà nước có chủ trương kê khai quyền sử dụng đất nên ông đã đứng ra kê khai thửa đất của cha mẹ để lại và được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông. Trước đây tại biên bản lấy lời khai ngày 08/11/2022 ông trình bày không nhớ nhà nước cấp đất cân đối theo hộ hay cá nhân là không đúng nay trình bày lại là nhà nước cân đối cấp đất cho ông và ông T. Năm 1999, ông làm thủ tục đổi sang sổ hồng, ông có thông báo cho bà H để hai anh em cùng làm thủ tục tách sổ mỗi người một sổ riêng nhưng bà H không phối hợp, không đi làm và đóng thuế với nhà nước nên ông đã làm sổ đứng tên vợ chồng ông. Sau khi nhà nước cấp sổ hồng, vợ chồng ông đã làm thủ tục tách sổ và tặng cho 02 người con là Lương Anh V 901,6m² (trong đó đất ở là 110m², đất vườn là 791,6m²) và Lương Thị Đ 719,1m² (trong đó đất ở là 90m², đất vườn là 629,1m²). V đã chuyển nhượng đất cho vợ chồng ông S, Đ thì chưa chuyển nhượng hay tặng cho ai.

Gia đình ông tự nguyện hoàn trả lại cho bà H diện tích đất 719,1m² mà vợ chồng ông đã cho chị Đ. Nhưng yêu cầu bà H phải chịu toàn bộ chi phí đã phát sinh làm sổ cho chị Đ và chi phí chuyển tên sổ hồng từ chị Đ sang bà H. Còn việc các bị đơn cản trở ông S xây dựng theo ông là họ không đúng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị H2, trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông L, không có ý kiến và không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H3, trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông S, không có ý kiến và không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lương Thị Đ trình bày:

Chị thống nhất với lời trình bày của ông L về việc được cha mẹ tặng cho diện tích đất 719,1m². Chị cũng thống nhất với phương án sẽ thỏa thuận chuyển trả lại cho bà H diện tích đất này nhưng yêu cầu bà H phải chịu toàn bộ chi phí phát sinh làm thủ tục chuyển thửa đất lại từ chị sang bà H. Chị không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Bản án dân sự sơ thẩm số 53/2023/DS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định. Tuyên xử:

1. Buộc bà Bùi Thị H, bà Lương Thị M, bà Lương Thị H1, ông Lương Hồng P, anh Lương Gia B1 chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng đất, thửa đất số 1496, tờ bản đồ số 3 tọa lạc tại thôn N, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định có diện tích theo giấy giao quyền sử dụng 820,6m² (đã trừ diện tích thu hồi đất 81m²) diện tích đất theo đo đạc ranh giới thỏa thuận theo mái đánh giữa hai thửa đất ký hiệu A có diện tích 812,3m² (có sơ đồ hiện trạng thửa đất lập ngày 23/5/2023 kèm theo).

2. Buộc chị Lương Thị Đ cùng với bà Bùi Thị H liên hệ cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục chuyển giao quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất từ chị Lương Thị Đ qua bà Bùi Thị H mà bà H không phải trả khoản tiền

nào cho chị Đ, thửa đất đã được Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh B – Chi nhánh thị xã A xác nhận cho bà Lương Thị Đ thửa đất số 1497, tờ bản đồ số 3 tọa lạc tại thôn N, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định có diện tích theo giấy giao quyền 719,1m² (trong đó có 90m² đất ở và 629,1m² đất trồng cây lâu năm) diện tích đất đo đạc theo ranh giới thỏa thuận thực tế theo mái đánh nhà giữa hai thửa đất, có nhà ở ký hiệu B, diện tích 727,4m² (có sơ đồ hiện trạng thửa đất lập ngày 23/5/2023 kèm theo). Ông Nguyễn Văn S tự nguyện chịu toàn bộ chi phí, lệ phí thủ tục chuyển quyền sử dụng đất từ chị Đ qua bà Bùi Thị H.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí định giá, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 07/6/2023 bị đơn bà Lương Thị M, bà Lương Thị H1, ông Lương Hồng P kháng cáo yêu cầu TAND tỉnh Bình Định hủy bỏ bản án sơ thẩm vì các ông bà đang khởi kiện tranh chấp thừa kế tại TAND thị xã An Nhơn, đến ngày 20/6/2023 các ông bà làm đơn kháng cáo bổ sung yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, xác định thửa đất số 182, tờ bản đồ số 3 tọa lạc tại thôn N, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định là di sản của cha mẹ các ông, bà để lại và yêu cầu chia thừa kế tài sản này cho các ông, bà.

* Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án Dân sự: Đề nghị HĐXX không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bà Lương Thị M, bà Lương Thị H1, ông Lương Hồng P, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự giữ nguyên bản án Dân sự sơ thẩm của TAND thị xã An Nhơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lương Văn L, bà Lâm Thị H2, anh Lương Anh V, chị Lương Thị Đ. Do đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Xét nội dung kháng cáo của các bị đơn bà Lương Thị M, bà Lương Thị H1, ông Lương Hồng P, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã N ngày 05/3/2024 của TAND tỉnh Bình Định và Công văn số 2207/VPĐK ngày 29/12/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B trả lời cho TAND tỉnh Bình Định về trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận và đăng ký biến động sang tên qua các thời kỳ thì Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Nguồn gốc thửa đất số 1496, tờ bản đồ số 3 tọa lạc tại thôn N, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định mà ông S nhận chuyển nhượng của anh V trước đây là một phần của thửa đất 799 do vợ chồng ông Lương Văn N1, bà Nguyễn Thị N quản lý sử dụng, năm 1975 ông N1 chết để lại cho bà Nguyễn Thị N tiếp tục quản lý sử dụng.

Năm 1983 bà Nguyễn Thị N đăng ký kê khai là thửa đất 799, tờ bản đồ số 02, diện tích 2.000m² (được lưu tại sổ đăng ký ruộng đất năm 1984 do UBND xã N đang quản lý).

Ngày 10/5/1993 ông Lương Văn L (là con ông N1 bà N) đăng ký kê khai chủ sử dụng đối với thửa đất 799 và được UBND huyện A (nay là thị xã A) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01544 QSDĐ/I3 ngày 27/12/1993 cho vợ chồng ông Lương Văn L, bà Lâm Thị H2 và thửa đất 799 chuyển đổi thành thửa đất số 182, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.928m² (trong đó có 200m² đất ở và 1.728m² đất vườn)

Ngày 29/01/2021, ông Lương Văn L làm thủ tục chuyển đổi từ giấy chứng nhận đứng tên ông Lương Văn L sang giấy chứng nhận đứng tên vợ chồng ông Lương Văn L, bà Lâm Thị H2 và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS02546 ngày 26/02/2021 tại thửa đất số 182 tờ bản đồ số 3, diện tích 1.928m².

Ngày 05/4/2021 ông Lương Văn L nộp hồ sơ đề nghị tách thửa đất số 182, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.928m² thành 02 thửa đất số 1496, 1497 và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp 02 giấy chứng nhận đối với 02 thửa đất 1496, 1497 cho ông Lương Văn L và bà Lâm Thị H2, cụ thể.

- Giấy chứng nhận số CS02609 ngày 15/4/2021 đối với thửa đất 1496, tờ bản đồ số 3, diện tích 901,6m² (trong đó: 110m² đất ở; 791,6m² đất trồng cây lâu năm).

- Giấy chứng nhận số CS02610 ngày 15/4/2021 đối với thửa đất 1497, tờ bản đồ số 3, diện tích 719,1m² (trong đó: 90m² đất ở; 629,1m² đất trồng cây lâu năm).

Ngày 19/4/2021 vợ chồng ông L, bà H2 tặng cho con trai Lương Anh V thửa đất số 1496, và ngày 11/5/2021 Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh B – Chi nhánh thị xã A đăng ký biến động sang tên anh Lương Anh V. Ngày 19/4/2021 vợ chồng ông L, bà H2 còn tặng cho con gái là chị Lương Thị Đ thửa đất còn lại 1497 và được Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh B – Chi nhánh thị xã A đăng ký biến động sang tên chị Lương Thị Đ ngày 10/5/2021.

Ngày 17/6/2022, anh Lương Anh V chuyển nhượng thửa đất số 1496 cho vợ chồng ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị H3 theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Văn phòng C công chứng ngày 17/6/2022. Ngày 28/6/2022 Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh B – Chi nhánh thị xã A đăng ký biến động sang tên vợ chồng ông S bà H3. Sau khi nhận chuyển nhượng thửa đất 1496 vợ chồng ông S bà H3 xin giấy phép xây dựng nhà ở và ngày 13/9/2022 Ủy ban nhân dân thị xã A đã cấp giấy phép xây dựng nhà ở cho ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị H3.

Do đó, HĐXX phúc thẩm xét thấy nguồn gốc thửa đất số 1496 là một phần thửa đất số 182 do vợ chồng ông Lương Văn N1, bà Nguyễn Thị N sử dụng ổn định lâu dài từ trước năm 1975, đến năm 1993 cơ quan có thẩm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp cho ông Lương Văn L (ông L là con ông N1, bà N). Năm 2021 ông L tặng cho con trai Lương Anh V thửa đất 1496, năm 2022 anh V chuyển nhượng thửa đất 1496 cho vợ chồng ông Nguyễn Văn S, bà Trần Thị H3. Căn cứ theo công văn trả lời số 2207/VPĐK ngày 29/12/2023 của Văn phòng đăng

ký đất đai tỉnh B thì trình tự thủ tục chuyển nhượng đất cho vợ chồng ông S bà H3 là phù hợp với quy định pháp luật nên vợ chồng ông S bà H3 là chủ sử dụng đất hợp pháp và có quyền thực hiện quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1496, tờ bản đồ số 3, diện tích 901,6m² (trong đó: 110m² đất ở; 791,6m² đất trồng cây lâu năm) vì vậy các bị đơn bà Lương Thị M, bà Lương Thị H1, ông Lương Hồng P không có quyền cản trở quyền sử dụng thửa đất của ông S bà H3.

Ngược lại bà Lương Thị M, bà Lương Thị H1, ông Lương Hồng P cản trở không cho vợ chồng ông S xây dựng nhà ở vì cho rằng thửa đất số 182, tờ bản đồ số 3 tọa lại tại thôn N, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định là di sản của cha mẹ các ông bà để lại nhưng hiện tại các ông bà không có chứng cứ chứng minh nguồn gốc đất là do cha mẹ các ông bà để lại. Mặt khác nếu có chứng cứ chứng minh nguồn gốc đất do cha mẹ để lại thì bà M, bà H1, ông P cũng không có quyền cản trở quyền sử dụng đất của vợ chồng ông S, vì vợ chồng ông S là bên thứ ba ngay tình khi nhận chuyển nhượng đất của anh Lương Anh V, được pháp luật bảo vệ theo quy định tại khoản 2 Điều 133 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì vẫn công nhận vợ chồng ông S là chủ sử dụng thửa đất hợp pháp.

Ngoài ra, bà Lương Thị M, bà Lương Thị H1, ông Lương Hồng P còn kháng cáo chia thừa kế đối với tài sản do cha mẹ chết để lại là thửa đất số 182. Tuy nhiên, tại cấp sơ thẩm các ông bà không có yêu cầu nên HĐXX cấp phúc thẩm không có cơ sở để xem xét. Nếu sau này các ông bà có yêu cầu chia thừa kế di sản của cha mẹ chết để lại thì sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Từ những phân tích nêu trên xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc các bị đơn bà Bùi Thị H, bà Lương Thị M, bà Lương Thị H1, ông Lương Hồng P, anh Lương Gia B1 chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng thửa đất số 1496, tờ bản đồ số 3 tọa lạc tại thôn N, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định là phù hợp quy định pháp luật. Do đó HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lương Thị M, bà Lương Thị H1, ông Lương Hồng P, giữ nguyên bản án sơ thẩm của TAND thị xã An Nhơn.

[4] Những quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lương Thị M, bà Lương Thị H1, ông Lương Hồng P là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án Đề nghị HĐXX không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bà Lương Thị M, bà Lương Thị H1, ông Lương Hồng P, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự giữ nguyên bản án Dân sự sơ thẩm của TAND thị xã An Nhơn là phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
Căn cứ vào các Điều 163, 164, 169, 221 Bộ luật Dân sự năm 2015;
Căn cứ Điều 26, 166, 167, 168, 203 Luật đất đai năm 2013;
Căn cứ vào khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số
326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.*

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn Bà Lương Thị M, bà Lương Thị H1, ông Lương Hồng P. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 53/2023/DS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

2. Buộc bà Bùi Thị H, bà Lương Thị M, bà Lương Thị H1, ông Lương Hồng P, anh Lương Gia B1 chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng thửa đất số 1496, tờ bản đồ số 3 tọa lạc tại thôn N, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định có diện tích theo giấy giao quyền sử dụng 820,6m² (đã trừ diện tích thu hồi đất 81m²); diện tích đất theo đo đạc ranh giới thỏa thuận theo mái đánh giữa hai thửa đất ký hiệu A, diện tích 812,3m² (có sơ đồ hiện trạng thửa đất lập ngày 23/5/2023 kèm theo).

3. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lương Thị M, bà Lương Thị H1, ông Lương Hồng P được miễn nộp.

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND thị xã An Nhơn;
- CCTHADS thị xã An Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Minh Dũng